

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông  
về hoạt động viễn thông công ích

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích.

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích đã được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông công ích, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo quy định của Luật Viễn thông.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ:

1. Người sử dụng là đối tượng (tổ chức, cá nhân, hộ gia đình) được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích hoặc được hỗ trợ trang bị thiết bị đầu cuối để sử dụng dịch vụ viễn thông.

2. Giao nhiệm vụ trong hoạt động viễn thông công ích là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hoặc để thực hiện hoạt động hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng với các điều kiện, yêu cầu cụ thể.

3. Đặt hàng trong hoạt động viễn thông công ích là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định doanh nghiệp viễn thông thực hiện hợp đồng cung cấp

dịch vụ viễn thông công ích hoặc để thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng với các điều kiện, yêu cầu cụ thể.

4. *Đấu thầu* trong hoạt động viễn thông công ích là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, cung cấp thiết bị đầu cuối theo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dịch vụ cụ thể và trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế.

5. *Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối* là việc nhà nước giao Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam chuyển tiền hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, hỗ trợ trang bị thiết bị đầu cuối vào tài khoản của đối tượng được hỗ trợ với các điều kiện và yêu cầu cụ thể.

6. *Đảm bảo tính ổn định, liên tục trong hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích* là việc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được hỗ trợ ổn định chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước sang thời gian thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn sau.

7. *Đảm bảo tính ổn định, liên tục trong hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích* là việc người sử dụng được duy trì hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích khi kết thúc năm trước hoặc khi kết thúc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước sang năm kế tiếp trong một thời gian nhất định theo chế độ, chính sách của năm trước hoặc của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước.

8. *Mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích* là số tiền doanh nghiệp viễn thông được nhận từ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thông qua các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ tại 01 (một) khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

9. *Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích* là số tiền người sử dụng dịch vụ viễn thông công ích được Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hỗ trợ hàng tháng hoặc 06 (sáu) tháng qua các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ trực tiếp từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích vào tài khoản của người sử dụng.

10. *Khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông* là khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các khu vực khó có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường được xác định theo thôn, bản, làng, phum, sóc, buôn, bon (gọi tắt là thôn), đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Khu vực chưa có dịch vụ viễn thông phổ cập;

b) Từ năm 2021 trở đi khu vực mới được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (năm 2020 về trước chưa có dịch vụ viễn thông phổ cập) và chỉ có 01 (một) doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ.

11. *Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích* là Chương trình hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích trong mỗi giai đoạn 5 năm do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

12. *Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp* là chi phí khấu hao tài sản cố định của công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông do doanh nghiệp đầu tư tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

13. *Chi phí duy trì, vận hành trực tiếp* là khoản chi phí hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp để duy trì, vận hành công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

## **Chương II**

### **PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

#### **Mục 1**

### **PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

**Điều 4. Đối tượng, điều kiện chung và căn cứ thực hiện đấu thầu, đặt hàng giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**

1. Doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khi thực hiện các hoạt động

a) Phát triển hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại các khu vực khó khăn chưa có dịch vụ viễn thông;

b) Duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

2. Điều kiện chung thực hiện các phương thức cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

a) Dịch vụ viễn thông phổ cập đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được cơ quyền thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng;

c) Các điều kiện khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Ngoài các điều kiện quy định tại khoản này, việc thực hiện các phương thức cung cấp dịch vụ viễn thông công ích còn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 15 Nghị định này.

3. Căn cứ thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông

- a) Mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- b) Danh mục dịch vụ viễn thông công ích; khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông; thời hạn doanh nghiệp được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo tại Nghị định này và quy định trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- c) Kế hoạch, dự toán cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;
- d) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ;
- đ) Thiết kế kỹ thuật công trình hạ tầng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành (Đối với trường hợp giao nhiệm vụ, đặt hàng);
- e) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt (Đối với trường hợp đấu thầu cung cấp dịch vụ).

#### **Điều 5. Điều kiện đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**

Thực hiện đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đến khu vực quy định tại điểm a khoản 10 Điều 3 Nghị định ngày khi đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

#### **Điều 6. Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**

Ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này, việc đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích còn phải đáp ứng các điều kiện:

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đến khu vực quy định tại điểm a khoản 10 Điều 3 Nghị định này đã thực hiện đấu thầu nhưng không lựa chọn được nhà thầu hoặc đã hết thời hạn hỗ trợ theo kết quả đấu thầu.
2. Thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đến khu vực quy định tại điểm b khoản 10 Điều 3 Nghị định này.
3. Nhà nước đã ban hành mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với doanh nghiệp.

#### **Điều 7. Điều kiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**

Ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này, việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích còn phải đáp ứng các điều kiện:

1. Cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đến khu vực quy định tại điểm a khoản 10 Điều 3 Nghị định này nhưng không lựa chọn được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo các phương thức đấu thầu, đặt hàng quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này.
2. Nhà nước chưa ban hành mức hỗ trợ đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

## **Mục 2**

### **PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI**

**Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ; căn cứ đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc hỗ trợ trực tiếp sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối**

1. Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo;

b) Các đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. Căn cứ đặt hàng, giao nhiệm vụ, hỗ trợ trực tiếp đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

a) Mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Kế hoạch, dự toán và thực hiện phương thức đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

d) Đối với trường hợp đặt hàng hoặc hỗ trợ trực tiếp: Ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b và c khoản này, được căn cứ: Giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Căn cứ đấu thầu, giao nhiệm vụ, hỗ trợ trực tiếp thiết bị đầu cuối

a) Mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Kế hoạch, dự toán, phương thức hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng tiền được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

d) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu (Đối với trường hợp đấu thầu):

đ) Mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (Đối với trường hợp giao nhiệm vụ hoặc hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng)

**Điều 9. Điều kiện đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**

1. Dịch vụ đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

3. Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua các doanh nghiệp viễn thông bằng hình thức cung cấp dịch vụ.

4. Cơ quan có thẩm quyền đã ban hành giá dịch vụ viễn thông công ích.

5. Cơ quan có thẩm quyền đã ban hành mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

**Điều 10. Điều kiện giao nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**

1. Các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

2. Dịch vụ viễn thông công ích chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ và mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ.

**Điều 11. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**

1. Các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

2. Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo hình thức bằng tiền.

3. Đối tượng được hỗ trợ đã có hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập với doanh nghiệp viễn thông và có tài khoản để tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.

Khi thực hiện phương thức này, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện chuyển tiền vào tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ theo kế hoạch, dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt và danh sách đối tượng được hỗ trợ được cấp có thẩm quyền công bố.

**Điều 12. Điều kiện đấu thầu cung cấp thiết bị đầu cuối**

1. Thiết bị đầu cuối đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng thiết bị.

2. Thực hiện đối với hoạt động hỗ trợ bằng hiện vật.

Khi thực hiện phương thức này, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện đấu thầu mua thiết bị đầu cuối để cấp cho các đối tượng được hỗ trợ theo danh sách đối tượng được cấp có thẩm quyền công bố.

**Điều 13. Điều kiện giao nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối**

1. Mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Thực hiện đối với hoạt động hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng tiền.

3. Thực hiện hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ thông qua doanh nghiệp viễn thông.

4. Đối tượng được hỗ trợ có đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông công ích với doanh nghiệp viễn thông.

5. Đối tượng hỗ trợ tự mua thiết bị đầu cuối và có hóa đơn mua thiết bị.

Khi thực hiện phương thức này, doanh nghiệp viễn thông được giao nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ bằng tiền cho các đối tượng theo Quyết định giao nhiệm vụ, kế hoạch, dự toán của Bộ Thông tin và Truyền thông và danh sách đối tượng được cấp có thẩm quyền công bố.

**Điều 14. Điều kiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ**

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định này;
2. Đối tượng hỗ trợ tự mua thiết bị đầu cuối và có tài khoản để nhận kinh phí được hỗ trợ.

Khi thực hiện phương thức này, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện chuyển tiền vào tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo kế hoạch, dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt và danh sách đối tượng được hỗ trợ được cấp có thẩm quyền công bố.

**Chương III**

**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

**Mục 1**

**NGUỒN TÀI CHÍNH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

**Điều 15. Nguồn tài chính hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích**

1. Nguồn thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.
2. Các nguồn thu hợp pháp của Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
  - a) Lãi tiền gửi tại ngân hàng thương mại, kho bạc nhà nước (nếu có);
  - b) Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

**Điều 16. Mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và đối tượng được miễn, giảm đóng góp**

1. Mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tối đa là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông.
2. Miễn đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
 

Doanh nghiệp mới tham gia thị trường cung cấp dịch vụ viễn thông được miễn đóng góp 04 (bốn) năm, kể từ ngày được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
 

Doanh nghiệp hết thời hạn miễn đóng góp theo quy định tại khoản 2 Điều này được giảm 50% mức đóng góp trong 05 (năm) năm tiếp theo kể từ ngày hết thời hạn được miễn đóng góp.

4. Đóng góp tài chính của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam được hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức đóng góp cụ thể trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

6. Nguyên tắc xác định thời điểm bắt đầu đóng góp, thời gian đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

a) Đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn trên cơ sở cân đối với nguồn kinh phí còn dư của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước chuyển sang;

b) Thời điểm bắt đầu thu đóng góp của doanh nghiệp viễn thông đảm bảo nguyên tắc ưu tiên sử dụng trước nguồn kinh phí còn dư của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước chuyển sang;

c) Đảm bảo phù hợp với kế hoạch thực hiện và tiến độ giải ngân của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn;

d) Trường hợp thời gian thu đóng góp không đủ 12 tháng thì tính thu đóng góp của các doanh nghiệp trên cơ sở doanh thu bình quân các tháng trong năm và số tháng thu đóng góp trong năm đó;

đ) Thời điểm dừng thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông là khi đã thu đủ theo nhu cầu kinh phí thực tế thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn, đảm bảo không vượt quá nguồn kinh phí của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

7. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết Điều này.

8. Căn cứ mức đóng góp được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại khoản 5, các nguyên tắc quy định tại khoản 6 và hướng dẫn của Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 7 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thời điểm bắt đầu huy động đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông và thời điểm kết thúc đóng góp trong quá trình thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

## Mục 2

### MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG, CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM CHO HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

#### **Điều 17. Mục đích sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích**

1. Chi hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
2. Chi hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
3. Chi hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ.

4. Chi thực hiện các nhiệm vụ khác để thực hiện các hoạt động viễn thông công ích theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

5. Chi hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Luật Viễn thông, không quá 5% số đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

**Điều 19. Nội dung, nguyên tắc xác định chi phí hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**

1. Nội dung chi phí được hỗ trợ

Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc lựa chọn thông qua đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông được hỗ trợ các chi phí trực tiếp cung cấp dịch vụ tại khu vực này; gồm:

a) Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp đối với công trình hạ tầng do doanh nghiệp đầu tư tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông;

b) Chi phí duy trì, vận hành trực tiếp công trình hạ tầng tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông; gồm: Chi phí điện năng, thuê địa điểm lắp đặt, thuê dịch vụ hạ tầng để cung cấp dịch vụ; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa lớn công trình hạ tầng;

c) Lợi nhuận dự kiến (đối với trường hợp đấu thầu hoặc đặt hàng).

2. Nguyên tắc xác định các khoản chi phí được hỗ trợ

a) Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp công trình hạ tầng: Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức chi phí khấu hao xác định trên cơ sở giá trị dự toán công trình hạ tầng đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông và chế độ quản lý, tính khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành; trong đó: Áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng và thời gian sử dụng tài sản là thời gian trung bình trong khung thời gian tối đa và thời gian tối thiểu sử dụng tài sản cố định;

b) Chi phí duy trì, vận hành công trình hạ tầng: Bộ Thông tin và Truyền thông khảo sát, ban hành định mức chi phí duy trì, vận hành công trình hạ tầng trên cơ sở số liệu năm trước năm đầu thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của ít nhất 02 doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ có quy mô lớn nhất tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông;

3. Lợi nhuận dự kiến: Xác định trên cơ sở tỷ suất lợi nhuận bình quân năm trước liền kề năm đầu thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của các doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

**Điều 20. Mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đặt hàng**

1. Căn cứ các nội dung và nguyên tắc xác định các khoản chi phí hỗ trợ doanh nghiệp quy định tại Điều 19 Nghị định này, Bộ Thông tin và Truyền thông ban

hành mức hỗ trợ để đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Xác định mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

a) Mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được xác định, ban hành trong năm đầu thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và được áp dụng để quản lý cho cả giai đoạn đối với tất cả các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn;

b) Đối với các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông đã được cung cấp dịch vụ chưa đủ 60 tháng: Mức hỗ trợ xác định trên cơ sở các khoản chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 19, lợi nhuận dự kiến theo khoản 3 Điều 19 Nghị định này sau khi trừ doanh thu cung cấp dịch vụ, như sau:

Mức hỗ trợ doanh nghiệp	=	Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp công trình hạ tầng	+	Chi phí duy trì, vận hành trực tiếp công trình hạ tầng	+	Lợi nhuận dự kiến	-	Doanh thu cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông
-------------------------	---	---	---	--	---	-------------------	---	---

Trong công thức trên:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông: Tính bằng tỷ lệ % so với doanh thu bình quân dịch vụ viễn thông toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp, tính theo số liệu của năm trước liền kề năm xác định mức hỗ trợ và do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố và áp dụng cho cả giai đoạn.

- Đối với khoản chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp công trình hạ tầng: Doanh nghiệp nhận đặt hàng được hỗ trợ theo chi phí khấu hao tính trên giá trị thực tế công trình hạ tầng của doanh nghiệp; trường hợp chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp công trình hạ tầng của doanh nghiệp cao hơn định mức chi phí do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định này, doanh nghiệp tự bù đắp phần chi phí cao hơn định mức chi phí do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

c) Đối với các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông đã được cung cấp dịch vụ trên 60 tháng:

Được hỗ trợ các khoản chi phí theo quy định tại khoản chi phí quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định này và được xác định như sau:

Mức hỗ trợ doanh nghiệp	=	Chi phí duy trì, vận hành trực tiếp công trình hạ tầng	+	Lợi nhuận dự kiến	-	Doanh thu cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông
-------------------------	---	--	---	-------------------	---	---

Trong công thức trên, doanh thu cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông xác định theo điểm b khoản này.

**Điều 21. Mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ**

Căn cứ nội dung, nguyên tắc xác định chi phí được hỗ trợ quy định tại Điều 19 Nghị định này, mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ được xác định như sau:

1. Năm đầu tiên (tính từ tháng doanh nghiệp bắt đầu cung cấp dịch vụ): Mức hỗ trợ được xác định theo thực tế chi phí doanh nghiệp thực hiện và trong phạm vi dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

2. Từ năm thứ hai trở đi: Áp dụng mức hỗ trợ được xác định theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

**Điều 22. Thời hạn hỗ trợ và dự toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông**

1. Đối với trường hợp đấu thầu

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông được hỗ trợ trong thời gian 5 năm liên tục (60 tháng) kể từ tháng đưa công trình vào cung cấp dịch vụ. Trường hợp thời gian cung cấp dịch vụ còn lại của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích không đủ 5 năm, thời gian còn thiếu được bố trí kinh phí ở Chương trình giai đoạn trước để chuyển tiếp kinh phí sang Chương trình giai đoạn sau đảm bảo hoàn thành thời gian hỗ trợ theo kết quả đấu thầu;

b) Sau thời gian 5 năm, kể từ khi đưa công trình vào cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp tiếp tục được hỗ trợ chi phí duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ trực tiếp (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp) tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với trường hợp đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông được hỗ trợ chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp, chi phí duy trì, vận hành trực tiếp đủ 5 năm (60 tháng), kể từ tháng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; trường hợp thời gian hỗ trợ sang giai đoạn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích mới thì mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định thực hiện đối với Chương trình giai đoạn trước;

b) Trường hợp thời gian cung cấp dịch vụ còn lại của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích không đủ 5 năm, thời gian còn thiếu được bố trí kinh phí ở Chương trình giai đoạn trước để chuyển tiếp kinh phí sang Chương trình giai đoạn sau đảm bảo hoàn thành thời gian hỗ trợ theo kết quả đấu thầu;

c) Sau thời gian 5 năm, kể từ khi đưa công trình vào cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp tiếp tục được hỗ trợ chi phí duy trì, vận hành trực tiếp (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp) tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông theo Nghị định này.

### Mục 3

## HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

### **Điều 23. Hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**

1. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc miễn phí cho tất cả các đối tượng sử dụng. Mức hỗ trợ bằng mức giá dịch vụ viễn thông bắt buộc.

2. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo mức hỗ trợ do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và được áp dụng ổn định trong thời gian thực hiện Chương trình.

Trường hợp nhà nước thay đổi giá dịch vụ viễn thông công ích hoặc có sự biến động lớn về nhu cầu sử dụng dịch vụ, thay đổi về yêu cầu chất lượng dịch vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, điều chỉnh mức hỗ trợ trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn kinh phí của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã được phê duyệt.

3. Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích được hỗ trợ tròn năm dương lịch. Trường hợp năm tiếp theo, các đối tượng đang được hỗ trợ năm trước liền kề chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, được tiếp tục hỗ trợ không quá 03 tháng của năm tiếp theo.

### **Điều 24. Hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ**

1. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật: Là giá thiết bị trọn gói (bao gồm chi phí bàn giao thiết bị đến trung tâm xã mà đối tượng được hỗ trợ cư trú) theo kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị đầu cuối.

2. Trường hợp hỗ trợ bằng tiền: Mức hỗ trợ là số tiền do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

### **Điều 25. Các nhiệm vụ chi khác để thực hiện hoạt động viễn thông công ích**

1. Ngoài các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ trang thiết bị đầu cuối, chi hoạt động viễn thông công ích còn bao gồm: Thuê tư vấn, kiểm toán, kiểm tra, giám sát và các nhiệm vụ chi khác để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. Căn cứ nội dung nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, yêu cầu quản lý và các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định về mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục hoạt động của cơ quan nhà nước do nhà nước do cấp có thẩm quyền ban hành, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét phê duyệt. Việc triển khai sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

#### **Mục 4**

### **LẬP DỰ TOÁN, THỰC HIỆN DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

#### **Điều 26. Căn cứ lập dự toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích**

##### 1. Đối với trường hợp đấu thầu

Dự toán được lập cho cả giai đoạn 05 năm và hàng năm, căn cứ vào:

a) Kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

b) Danh mục khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông thực hiện theo phương thức đấu thầu do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Thiết kế kỹ thuật công trình hạ tầng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

d) Ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản này, đối với lập dự toán làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được căn cứ vào 01 trong 03 căn cứ sau:

- Kết quả đấu thầu trước đó của công trình hạ tầng có cùng thiết kế kỹ thuật tại thời điểm gần nhất.

- Mức hỗ trợ của công trình hạ tầng có cùng thiết kế kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định này.

- Báo giá cung cấp dịch vụ của 03 doanh nghiệp; trong báo giá, các doanh nghiệp phải thuyết minh đảm bảo yêu cầu thiết kế kỹ thuật công trình hạ tầng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Đối với các khu vực không đủ báo giá của 03 doanh nghiệp, được xác định theo báo giá của 02 hoặc 01 doanh nghiệp đang cung cấp toàn quốc đối với dịch vụ viễn thông phổ cập cần đấu thầu cung cấp.

##### 2. Đối với trường hợp đặt hàng

Dự toán đặt hàng lập cho cả giai đoạn 05 năm và hàng năm, căn cứ vào:

a) Kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

b) Danh mục khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông thực hiện theo phương thức đặt hàng do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

c) Thiết kế kỹ thuật công trình hạ tầng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

d) Mức hỗ trợ doanh nghiệp do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;

đ) Tình hình thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích năm trước liền kề (đối với năm thứ hai trở đi).

### 3. Đối với trường hợp giao nhiệm vụ

Dự toán được lập cho cả giai đoạn 05 năm và hàng năm, căn cứ vào:

a) Kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

b) Danh mục khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

c) Thiết kế kỹ thuật công trình hạ tầng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

d) Nội dung chi phí và nguyên tắc xác định các chi phí được hỗ trợ theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;

đ) Từ năm thứ hai trở đi, ngoài các căn cứ theo quy định tại các điểm a và b khoản này, việc lập dự toán được căn cứ: Tình hình thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích năm trước và mức hỗ trợ doanh nghiệp được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

### **Điều 27. Căn cứ lập dự toán kinh phí hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối**

Dự toán kinh phí hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối được lập cho cả giai đoạn 05 năm và hàng năm, căn cứ vào:

1. Kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

2. Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

3. Tình hình thực hiện các chính sách của năm trước liền kề (đối với năm thứ hai thực hiện Chương trình trở đi).

4. Giá dịch vụ viễn thông công ích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

5. Mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do cơ quan có thẩm quyền ban hành; mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối dự kiến hoặc giá cả thiết bị đầu cuối trên cơ sở khảo sát giá thị trường;

6. Các định mức, chế độ tài chính khác có liên quan.

## **Điều 28. Trách nhiệm, nội dung và thời hạn lập dự toán**

### 1. Nội dung dự toán

a) Dự toán hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo từng phương thức thực hiện;

b) Dự toán hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích;

c) Dự toán hỗ trợ thiết bị đầu cuối;

d) Dự toán thực hiện các nhiệm vụ khác.

### 2. Thời hạn lập dự toán

a) Dự toán thực hiện cả Chương trình: Lập trong năm đầu tiên của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Dự toán hàng năm: Lập trong Quý IV năm trước năm kế hoạch.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quy trình, biểu mẫu, trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích.

## **Điều 29. Phân bổ và giao dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối**

1. Căn cứ dự toán được các đơn vị lập, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện giao dự toán cho các đơn vị và các doanh nghiệp.

2. Nội dung giao dự toán: Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này.

3. Thời điểm giao dự toán hàng năm: Chậm nhất ngày 31/12 hằng năm.

## **Điều 30. Thực hiện dự toán hoạt động viễn thông công ích**

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán của Bộ Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện dự toán hỗ trợ cung cấp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo các quy định tại Nghị định này và của pháp luật liên quan.

## **Điều 30. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán**

### 1. Tạm ứng

a) Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc lựa chọn thông qua đấu thầu cung cấp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối được tạm ứng kinh phí để thực hiện:

- Đối với tạm ứng lần đầu trong năm: Mức tạm ứng bằng 30% giá trị dự toán, hợp đồng trong năm;

- Đối với tạm ứng lần thứ 2 trong năm: Mức tạm ứng bằng 30% giá trị dự toán, hợp đồng còn lại của năm. Mức tạm ứng bao gồm cả phần kinh phí tạm ứng lần đầu chưa thu hồi hết chuyển sang.

b) Số kinh phí đã tạm ứng được hoàn trả khi thanh toán thực hiện hợp đồng trong năm.

### 2. Nghiệm thu

- a) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ báo cáo 06 tháng và cả năm;
- b) Thời điểm nghiệm thu 06 tháng đầu năm trước 15/8 hàng năm;
- c) Thời điểm nghiệm thu 06 tháng cuối năm trước 15/02 năm sau.

### 3. Thanh toán

a) Các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc lựa chọn thông qua đấu thầu cung cấp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối được thanh toán theo quyết toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

b) Trong thời gian chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp được thanh toán theo kết quả nghiệm thu chậm nhất 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành nghiệm thu. Mức thanh toán bằng 95% giá trị nghiệm thu; số kinh phí còn lại sẽ được thanh toán sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định biểu mẫu, quy trình, trách nhiệm, thời gian nghiệm thu kết quả và xác định giá trị hoạt động viễn thông công ích thực hiện.

### **Điều 31. Quyết toán kinh phí**

1. Kinh phí hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích được quyết toán hàng năm và cả Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Biểu mẫu, quy trình, trách nhiệm, thời gian lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hàng năm và cả giai đoạn.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 32. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định này;

b) Tổ chức lập kế hoạch, dự toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích và triển khai, giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Rà soát khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông tại địa phương và đề xuất phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại Nghị định này gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp vào kế hoạch hoạt động viễn thông công ích;

b) Cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thông tin về đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, được hỗ trợ thiết bị đầu cuối để phục vụ xây dựng, quản lý thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của pháp luật liên quan và thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương;

b) Thực hiện theo dõi, giám sát kết quả hoạt động viễn thông công ích tại địa phương theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

### **Điều 33. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Các doanh nghiệp được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao kế hoạch, đặt hàng hoặc đấu thầu thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được đảm bảo tính liên tục trong hỗ trợ cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này;

b) Các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được đảm bảo tính liên tục trong sử dụng dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**